BỘ TÀI CHÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 08/2016/TT-BTC	----------
	Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2016

THÔNG TƯ

Quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước

---

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6/6/2003 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đầu tư;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư của các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (bao gồm: vốn đầu tư của ngân sách trung ương cho Bộ, ngành trung ương; vốn bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương cho địa phương; vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương); các dự án đầu tư sử dụng nhiều nguồn vốn khác nhau trong đó có sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thì phần nguồn vốn ngân sách nhà nước của dự án được thực hiện theo quy định tại Thông tư này (sau đây gọi chung là dự án).

2. Thông tư này không áp dụng đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kinh tế xã hội của các huyện nghèo thực hiện Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo; các dự án đầu tư thuộc ngân sách cấp xã và các dự án do cấp xã làm chủ đầu tư (bao gồm cả xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới); các dự án đầu tư thuộc Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng; phần vốn ngân sách nhà nước tham gia trong các dự án PPP; các dự án đầu tư của cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài.

3. Đối với các dự án đầu tư từ các nguồn vốn khác của Nhà nước ngoài nguồn vốn ngân sách nhà nước khuyến khích vận dụng những nguyên tắc thanh toán theo quy định tại Thông tư này.

4. Đối tượng áp dụng là các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý

1. Việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả và chấp hành đúng quy định về quản lý tài chính đầu tư và xây dựng của pháp luật hiện hành và nội dung hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm và có hiệu quả. Chấp hành đúng quy định của pháp luật về chế độ quản lý tài chính đầu tư.

3. Cơ quan cấp trên của chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) thuộc phạm vi quản lý thực hiện kế hoạch đầu tư, sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích, đúng chế độ Nhà nước.

4. Cơ quan Tài chính các cấp thực hiện công tác quản lý tài chính vốn đầu tư về việc chấp hành chế độ, chính sách tài chính đầu tư, tình hình quản lý, sử dụng vốn đầu tư, tình hình thanh toán vốn đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Cơ quan Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ, đúng quy định cho các dự án khi có đủ điều kiện thanh toán vốn.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1. THẨM ĐỊNH NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ, THẨM TRA PHÂN BỔ VỐN ĐẦU TƯ

Điều 3. Thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn

Việc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của cơ quan tài chính thực hiện như sau:

1. Đối tượng:

a) Các dự án đầu tư khởi công mới trước khi quyết định chủ trương đầu tư;

b) Các dự án có điều chỉnh tăng tổng mức vốn đầu tư.

2. Căn cứ thẩm định:

a) Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và các văn bản hướng dẫn hiện hành;

b) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước theo từng giai đoạn.

3. Hồ sơ thẩm định:

a) Đối với các dự án đầu tư thuộc các Bộ, ngành trung ương quản lý:

- Văn bản đề nghị thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Văn bản đề nghị thẩm định của các Bộ, ngành;

- Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đối với dự án nhóm A; Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với dự án nhóm B và nhóm C;

- Báo cáo thẩm định nội bộ của các Bộ, ngành;

- Đối với các dự án có điều chỉnh tăng tổng mức vốn đầu tư gửi kèm quyết định đầu tư ban đầu và các tài liệu liên quan khác (nếu có).

b) Đối với các dự án đầu tư thuộc địa phương quản lý:

- Đối với dự án đầu tư thuộc nhóm A, nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho triển khai do địa phương quản lý đề nghị hỗ trợ từ nguồn vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương:

- Văn bản đề nghị thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Văn bản đề nghị thẩm định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

- Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân (theo phân cấp quản lý dự án);

- Báo cáo thẩm định đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của Hội đồng thẩm định các cấp (theo phân cấp quản lý vốn đầu tư);

- Văn bản thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

- Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đối với dự án nhóm A; Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với dự án nhóm B và nhóm C;

- Đối với các dự án có điều chỉnh tăng tổng mức vốn đầu tư gửi kèm quyết định đầu tư ban đầu và các tài liệu liên quan khác (nếu có).

- Đối với các dự án đầu tư nhóm A, nhóm B và nhóm C sử dụng nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương:

- Văn bản đề nghị thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của Hội đồng thẩm định hoặc đơn vị có chức năng thẩm định hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư;

- Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đối với dự án nhóm A; Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với dự án nhóm B và nhóm C;

- Báo cáo thẩm định nội bộ;

- Đối với các dự án có điều chỉnh tăng tổng mức vốn đầu tư gửi kèm quyết định đầu tư ban đầu và các tài liệu liên quan khác (nếu có).

4. Nội dung thẩm định:

Sau khi nhận được các hồ sơ nêu trên, cơ quan tài chính có ý kiến bằng văn bản (theo mẫu 01-A, 01-B đính kèm) gửi cơ quan chủ trì thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn về các nội dung như sau:

a) Đối với các dự án đầu tư thuộc các Bộ, ngành trung ương quản lý:

- Sự cần thiết đầu tư của dự án; sự đảm bảo phù hợp với mục tiêu chiến lược, quy hoạch, kế hoạch được duyệt;

- Tính đầy đủ của hồ sơ đề nghị thẩm định;

- Về quy mô, dự kiến tổng mức vốn đầu tư và tiến độ thực hiện;

- Về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;

- Các ý kiến khác (nếu có).

b) Đối với các dự án đầu tư thuộc cân đối ngân sách địa phương và vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương:

- Sự cần thiết đầu tư, sự đảm bảo phù hợp với mục tiêu chiến lược, quy hoạch, kế hoạch được duyệt;

- Tính đầy đủ của hồ sơ đề nghị thẩm định;

- Sự phù hợp của dự án đầu tư về phạm vi, đối tượng đề nghị sử dụng vốn đầu tư công;

- Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với nguồn vốn đầu tư;

- Khả năng bố trí vốn cho chương trình, dự án trong tổng số vốn kế hoạch đầu tư trung hạn của từng ngành, lĩnh vực, chương trình theo thứ tự ưu tiên (đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước, phải xem xét khả năng cân đối vốn của từng cấp ngân sách, phần vốn bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới, gồm: vốn chương trình mục tiêu quốc gia, vốn chương trình mục tiêu và các khoản bổ sung có mục tiêu khác);

- Các ý kiến khác (nếu có).

Điều 4. Thẩm tra phân bổ vốn đầu tư

1. Nội dung phân bổ vốn đầu tư hằng năm

Các dự án đầu tư được phân bổ kế hoạch vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hằng năm khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại Luật Đầu tư công và Nghị

định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về Kế hoạchđầu tư công trung hạn và hằng năm.

a) Đối với các dự án đầu tư thuộc các Bộ, ngành trung ương quản lý (sau đây gọi chung là Bộ):

Sau khi được Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao kế hoạch vốn ngân sách hàng năm, các Bộ phân bổ kế hoạch vốn đầu tư cho từng dự án thuộc phạm vi quản lý đảm bảo các điều kiện quy định như sau:

- Dự án có trong danh mục và trong phạm vi tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn được giao;

- Các dự án có đủ thủ tục đầu tư theo quy định. Riêng đối với các dự án khởi công mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết định đầu tư đến ngày 31 tháng 10 năm trước năm kế hoạch;

- Đảm bảo đúng với nội dung kinh tế được giao về tổng mức đầu tư; cơ cấu vốn trong nước, vốn ngoài nước, cơ cấu ngành kinh tế;

- Đảm bảo đúng danh mục và mức vốn của từng dự án do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao.

b) Đối với các dự án đầu tư thuộc cân đối ngân sách địa phương và vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương:

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp giao kế hoạch vốn ngân sách hàng năm, Ủy ban nhân dân các cấp phân bổ kế hoạch vốn đầu tư cho từng dự án thuộc phạm vi quản lý đảm bảo các điều kiện quy định như sau:

- Dự án có trong danh mục và trong phạm vi tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn được giao;

- Các dự án có đủ thủ tục đầu tư theo quy định. Đối với các dự án khởi công mới đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết định đầu tư đến ngày 31 tháng 10 năm trước năm kế hoạch;

- Đảm bảo đúng với nội dung kinh tế được giao về tổng mức đầu tư; cơ cấu vốn trong nước, vốn ngoài nước, cơ cấu ngành kinh tế;

- Riêng đối với dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ, ngoài đảm bảo các nội dung nêu trên, còn phải đảm bảo đúng danh mục và mức vốn của từng dự án do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao.

c) Các Bộ và Ủy ban nhân dân các cấp phân bổ chi tiết vốn đầu tư cho từng dự án theo mã dự án đầu tư và ngành kinh tế (loại, khoản) theo Phụ lục số 02 ban hành theo Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC ngày 2/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hệ thống mục lục ngân sách nhà nước; Thông tư số 110/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC ngày 02/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hệ thống mục lục ngân sách nhà nước và Thông tư số 147/2013/TT-BTC ngày

23/10/2013 của Bộ Tài chính quy định sửa đổi, bổ sung hệ thống mục lục ngân sách nhà nước.

d) Đồng thời với việc phân bổ vốn đầu tư nêu trên, các Bộ và Ủy ban nhân dân các cấp giao chỉ tiêu kế hoạch vốn chi tiết cho các chủ đầu tư để thực hiện.

đ) Việc phân bổ chi tiết và giao dự toán ngân sách cho các dự án phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm trước năm kế hoạch.

e) Sau khi phân bổ kế hoạch vốn đầu tư các Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố gửi kế hoạch vốn đầu tư về Bộ Tài chính; Ủy ban nhân dân các cấp gửi phân bổ kế hoạch vốn đầu tư về Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch tỉnh.

(Mẫu biểu phân bổ kế hoạch vốn đầu tư theo phụ lục số 01 kèm theo)

2. Hồ sơ tài liệu kèm theo kế hoạch phân bổ vốn đầu tư, bao gồm:

a) Đối với dự án chuẩn bị đầu tư:

Văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

b) Đối với dự án thực hiện dự án:

Quyết định phê duyệt đầu tư dự án của cấp có thẩm quyền (hoặc quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với các dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật) đối với các dự án khởi công mới và các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có).

c) Đối với dự án hoàn thành kết thúc đầu tư:

Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (nếu có).

3. Thẩm tra phân bổ

a) Đối với dự án do các Bộ quản lý:

Sau khi nhận được phân bổ kế hoạch vốn đầu tư của các Bộ gửi đến trong thời hạn tối đa 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Tài chính thực hiện thẩm tra phân bổ vốn đầu tư theo nội dung quy định tại khoản 1 nêu trên (mẫu số 01-C kèm theo), thông báo ý kiến thẩm tra phân bổ cho từng Bộ, đồng gửi Kho bạc Nhà nước để làm căn cứ kiểm soát thanh toán vốn và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để phối hợp thực hiện.

Trên cơ sở ý kiến thẩm tra phân bổ của Bộ Tài chính, các Bộ và cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm nhập kế hoạch vốn đầu tư cho các dự án đủ điều kiện thanh toán vốn trên hệ thống thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc (TABMIS) theo hướng dẫn tại Thông tư số 123/2014/TT-BTC ngày 27/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn tổ chức vận hành, khai thác Hệ thống Thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc (TABMIS).

b) Đối với dự án thuộc Ủy ban nhân nhân dân các cấp quản lý:

Đối với vốn trong cân đối ngân sách địa phương, vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương và vốn Chương trình mục tiêu quốc gia: Sau khi nhận được phân bổ kế hoạch vốn đầu tư của Ủy ban nhân dân các cấp, Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch trong thời hạn tối đa 15 ngày thực hiện thẩm tra phân bổ vốn

đầu tư theo nội dung quy định tại khoản 1 nêu trên (mẫu số 01-D kèm theo), có ý kiến thẩm tra phân bổ gửi Ủy ban nhân dân (tỉnh, huyện) để báo cáo, cơ quan kế hoạch và đầu tư để phối hợp; đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước (tỉnh, huyện) để kiểm soát thanh toán với các dự án đã đủ điều kiện thanh toán vốn theo quy định. Trong trường hợp còn dự án chưa đủ điều kiện thanh toán, đề nghị Ủy ban nhân dân (tỉnh, huyện) phân bổ lại theo quy định.

Các dự án đủ điều kiện thanh toán, cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm nhập kế hoạch vốn đầu tư trên hệ thống thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc (TABMIS) theo hướng dẫn tại Thông tư số 123/2014/TT-BTC ngày 27/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn tổ chức vận hành, khai thác Hệ thống Thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc (TABMIS).

Mục 2. THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ

Điều 5. Cơ quan thanh toán vốn đầu tư

Cơ quan Kho bạc Nhà nước được giao nhiệm vụ kiểm soát thanh toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước.

Điều 6. Mở tài khoản

1. Chủ đầu tư được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nơi thuận tiện cho giao dịch của chủ đầu tư và phù hợp cho việc kiểm soát thanh toán của Kho bạc Nhà nước.

2. Việc mở tài khoản thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ mở và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

3. Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư mở tài khoản để được thanh toán vốn.

Điều 7. Hồ sơ pháp lý gửi một lần của dự án

Để phục vụ cho công tác quản lý, kiểm soát thanh toán vốn đầu tư, chủ đầu tư gửi hồ sơ, tài liệu sau đây đến Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản thanh toán (các tài liệu này đều là bản chính hoặc bản sao có đóng dấu sao y bản chính của chủ đầu tư, chỉ gửi một lần cho đến khi dự án kết thúc đầu tư, trừ trường hợp phải bổ sung, điều chỉnh), bao gồm:

1. Đối với dự án chuẩn bị đầu tư:

- Văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư dự án;

- Quyết định phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư của cấp có thẩm quyền kèm theo dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư;

- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;

- Hợp đồng giữa chủ đầu tư với nhà thầu.

2. Đối với dự án thực hiện dự án:

- Quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có) kèm theo dự án đầu tư xây dựng công trình (hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với dự

án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật); Riêng đối với các dự án khởi công mới và các dự án có điều chỉnh tăng tổng mức vốn đầu tư phải gửi kèm theo văn bản thẩm định về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của cơ quan kế hoạch và đầu tư và cơ quan tài chính theo quy định của Luật Đầu tư công.

Đối với các dự án khởi công mới và các dự án có điều chỉnh tăng tổng mức vốn đầu tư, Kho bạc Nhà nước (nơi mở tài khoản) có trách nhiệm đối chiếu nội dung Quyết định đầu tư với văn bản thẩm định về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của cơ quan kế hoạch và đầu tư và cơ quan tài chính. Trường hợp phát hiện nội dung quyết định đầu tư về phần nguồn vốn không phù hợp với văn bản thẩm định về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của cơ quan kế hoạch và đầu tư và cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước thực hiện như sau:

- Đối với các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước của các Bộ, ngành trung ương và vốn bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương cho địa phương, Kho bạc Nhà nước (nơi mở tài khoản) báo cáo Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố để có văn bản gửi Kho bạc Nhà nước tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính xem xét, xử lý. Đồng thời gửi chủ đầu tư để chủ đầu tư báo cáo cấp quyết định đầu tư.

- Đối với các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trong cân đối ngân sách địa phương, Kho bạc Nhà nước (nơi mở tài khoản) báo cáo Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố để có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xem xét, xử lý theo thẩm quyền. Đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính.

- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu; Riêng đối với trường hợp tự thực hiện: văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép tự thực hiện dự án (trường hợp chưa có trong quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền);

- Hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu hoặc nhà cung cấp và các tài liệu kèm theo hợp đồng như: phụ lục hợp đồng, điều kiện riêng, điều kiện chung liên quan đến việc tạm ứng, thanh toán hợp đồng, hợp đồng bổ sung, điều chỉnh (nếu có); Riêng đối với trường hợp tự thực hiện: văn bản giao việc hoặc hợp đồng giao khoán nội bộ;

- Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền đối với từng công việc, hạng mục công trình, công trình đối với trường hợp chỉ định thầu hoặc tự thực hiện và các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng (trừ dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật); Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán gói thầu của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp thanh toán hợp đồng theo đơn giá. Riêng công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phải kèm theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 8. Tạm ứng vốn

1. Nguyên tắc tạm ứng vốn

a) Việc tạm ứng vốn của chủ đầu tư cho nhà thầu hoặc nhà cung cấp cho các công việc cần thiết để triển khai thực hiện hợp đồng hoặc các công việc không thông qua hợp đồng.

Mức vốn tạm ứng, thời điểm tạm ứng và việc thu hồi tạm ứng do chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu theo đúng quy định và phải được quy định rõ trong hợp đồng.

b) Việc tạm ứng vốn được thực hiện sau khi hợp đồng có hiệu lực, riêng đối với hợp đồng thi công xây dựng thì phải có cả kế hoạch giải phóng mặt bằng theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng.

c) Trường hợp các bên thỏa thuận tạm ứng ở mức cao hơn mức tạm ứng tối thiểu nêu tại điểm a, khoản 3 Điều này, thì phần giá trị hợp đồng tương ứng với mức tạm ứng hợp đồng vượt mức tạm ứng tối thiểu sẽ không được điều chỉnh giá kể từ thời điểm tạm ứng.

d) Căn cứ vào nhu cầu tạm ứng vốn chủ đầu tư có thể được tạm ứng vốn một lần hoặc nhiều lần cho một hợp đồng nhưng không vượt mức vốn tạm ứng theo quy định của hợp đồng và mức vốn tạm ứng quy định tại khoản 3 Điều này; trường hợp kế hoạch vốn bố trí trong năm không đủ mức vốn tạm ứng theo hợp đồng (hoặc dự toán được duyệt) thì chủ đầu tư được tạm ứng tiếp trong kế hoạch năm sau.

đ) Chủ đầu tư có trách nhiệm cùng với nhà thầu tính toán mức tạm ứng hợp lý, quản lý việc sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả và có trách nhiệm hoàn trả đủ số vốn đã tạm ứng theo quy định.

2. Hồ sơ tạm ứng vốn

Để được tạm ứng vốn, chủ đầu tư gửi đến Kho bạc Nhà nước các tài liệu sau:

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư - phụ lục số 05 kèm theo;

- Chứng từ chuyển tiền ban hành theo quy định hệ thống chứng từ kế toán của Bộ Tài chính;

- Bảo lãnh khoản tiền tạm ứng của nhà thầu (chủ đầu tư gửi Kho bạc Nhà nước bản sao có đóng dấu sao y bản chính của chủ đầu tư) đối với các trường hợp phải bảo lãnh tạm ứng theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều này.

3. Mức vốn tạm ứng

a) Mức vốn tạm ứng tối thiểu:

- Đối với hợp đồng tư vấn:

Hợp đồng có giá trị trên 10 tỷ đồng, mức vốn tạm ứng tối thiểu bằng 15% giá trị hợp đồng;

Hợp đồng có giá trị đến 10 tỷ đồng, mức vốn tạm ứng tối thiểu bằng 20% giá trị hợp đồng.

- Đối với hợp đồng thi công xây dựng:

- Hợp đồng có giá trị dưới 10 tỷ đồng, mức vốn tạm ứng tối thiểu bằng 20% giá trị hợp đồng;

- Hợp đồng có giá trị từ 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng, mức vốn tạm ứng tối thiểu bằng 15% giá trị hợp đồng;

- Hợp đồng có giá trị trên 50 tỷ đồng, mức vốn tạm ứng tối thiểu bằng 10% giá trị hợp đồng.

- Đối với hợp đồng cung cấp thiết bị công nghệ, hợp đồng EC, EP, PC, EPC, hợp đồng chìa khóa trao tay và các loại hợp đồng xây dựng khác: mức vốn tạm ứng tối thiểu bằng 10% giá trị hợp đồng.

b) Mức vốn tạm ứng tối đa cho các khoản quy định tại điểm a nêu trên không vượt quá 50% giá trị hợp đồng (hoặc dự toán được duyệt đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng). Trường hợp đặc biệt cần tạm ứng với mức cao hơn phải được người quyết định đầu tư cho phép, đối với trường hợp người quyết định đầu tư là Thủ tướng Chính phủ, việc quyết định mức tạm ứng cao hơn do Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

c) Đối với công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

- Mức vốn tạm ứng theo tiến độ thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Mức vốn tạm ứng tối đa theo yêu cầu không vượt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Trường hợp chủ đầu tư trực tiếp chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư căn cứ vào hồ sơ tài liệu liên quan để chi trả cho người thụ hưởng.

- Trường hợp tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường hỗ trợ và tái định cư (Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư, tổ chức phát triển quỹ đất, doanh nghiệp ...) chi trả: Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường hỗ trợ và tái định cư nêu trên mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước để tiếp nhận vốn tạm ứng do chủ đầu tư chuyển đến để thực hiện chi trả.

d) Đối với chi phí quản lý dự án

Căn cứ dự toán chi phí quản lý dự án trong năm kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Kho bạc Nhà nước thực hiện tạm ứng vốn theo đề nghị của chủ đầu tư. Mức tạm ứng vốn không vượt quá dự toán chi phí quản lý dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Mức vốn tạm ứng cho tất cả các khoản quy định từ điểm a đến điểm d nêu trên không vượt kế hoạch vốn hàng năm đã bố trí cho dự án.

4. Bảo lãnh tạm ứng vốn

a) Đối với các hợp đồng có giá trị tạm ứng hợp đồng lớn hơn 01 tỷ đồng yêu cầu có bảo lãnh tạm ứng:

- Trước khi Kho bạc Nhà nước thực hiện việc tạm ứng hợp đồng cho chủ đầu tư để tạm ứng vốn cho nhà thầu hoặc nhà cung cấp, chủ đầu tư gửi đến Kho bạc Nhà nước bảo lãnh tạm ứng hợp đồng của nhà thầu hoặc nhà cung cấp với giá trị tương đương khoản tiền tạm ứng.

- Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được giảm trừ tương ứng với giá trị tiền tạm ứng đã thu hồi qua mỗi lần thanh toán giữa bên giao thầu và bên nhận thầu. Chủ đầu

tư đảm bảo và chịu trách nhiệm giá trị của bảo lãnh tạm ứng tương ứng với số dư tiền tạm ứng còn lại.

- Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải được kéo dài cho đến khi chủ đầu tư đã thu hồi hết số tiền tạm ứng.

b) Các trường hợp không yêu cầu bảo lãnh tạm ứng:

- Các hợp đồng có giá trị tạm ứng hợp đồng nhỏ hơn hoặc bằng 01 tỷ đồng. Trường hợp này, để đảm bảo sử dụng vốn tạm ứng an toàn và có hiệu quả, chủ đầu tư tùy theo điều kiện cụ thể được quyền yêu cầu nhà thầu bảo lãnh tạm ứng vốn theo nội dung nêu tại điểm a, khoản 4 Điều này và chịu trách nhiệm về yêu cầu bảo lãnh tạm ứng của mình.

- Các hợp đồng xây dựng theo hình thức tự thực hiện bao gồm cả hình thức do cộng đồng dân cư thực hiện theo các chương trình mục tiêu;

- Các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng và công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (trừ trường hợp công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phải xây dựng các công trình).

5. Thu hồi vốn tạm ứng

- Vốn tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng, mức thu hồi từng lần do chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu và quy định cụ thể trong hợp đồng và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng.

- Đối với công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: sau khi chi trả cho người thụ hưởng, chủ đầu tư tập hợp chứng từ, làm thủ tục thanh toán và thu hồi tạm ứng trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày chi trả cho người thụ hưởng không chờ đến khi toàn bộ các hộ dân trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã nhận tiền mới làm thủ tục thu hồi vốn tạm ứng.

Riêng chi phí cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư căn cứ vào quyết toán chi phí cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Kho bạc Nhà nước làm thủ tục thu hồi vốn tạm ứng.

- Đối với chi phí quản lý dự án: Khi có khối lượng công việc hoàn thành theo dự toán, chủ đầu tư lập Bảng kê giá trị khối lượng công việc hoàn thành (có chữ ký và đóng dấu của chủ đầu tư) gửi Kho bạc Nhà nước làm thủ tục thu hồi vốn tạm ứng. Chủ đầu tư không phải gửi chứng từ chi, hóa đơn mua sắm đến Kho bạc Nhà nước và chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán theo dự toán được duyệt.

Trường hợp các Ban quản lý dự án chuyên ngành, khu vực quản lý nhiều dự án, định kỳ 6 tháng và hết năm kế hoạch, chủ đầu tư phân bổ chi phí quản lý dự án (khối lượng công việc hoàn thành theo dự toán) cho từng dự án gửi Kho bạc Nhà nước làm thủ tục thu hồi vốn tạm ứng.

6. Kiểm tra, đánh giá thực hiện và thu hồi tạm ứng vốn

- Kho bạc Nhà nước đôn đốc các chủ đầu tư thực hiện đúng quy định về việc thu hồi vốn tạm ứng, phối hợp với chủ đầu tư thực hiện kiểm tra vốn đã tạm ứng để thu hồi những khoản tồn đọng chưa sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích. Kho bạc Nhà nước chịu trách nhiệm kiểm tra và đảm bảo thu hồi hết số vốn đã tạm ứng khi thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng.

- Hằng quý các chủ đầu tư có báo cáo đánh giá tình hình thực hiện tạm ứng vốn, thu hồi tạm ứng vốn gửi Kho bạc Nhà nước và cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, báo cáo nêu rõ việc thực hiện và thu hồi số vốn đã tạm ứng.

- Hằng quý Kho bạc Nhà nước có báo cáo đánh giá tình hình thực hiện tạm ứng vốn, thu hồi tạm ứng vốn của các Bộ, ngành và địa phương gửi cơ quan Tài chính đồng cấp, trong báo cáo phân loại rõ số dư tạm ứng đến từng thời kỳ. Đối với dự án do các Bộ, ngành quản lý, Bộ Tài chính có văn bản gửi các Bộ, ngành để có biện pháp xử lý số dư tạm ứng chưa thu hồi. Đối với dự án thuộc Ủy ban nhân nhân dân các cấp quản lý, Sở Tài chính, Phòng Tài chính Kế hoạch báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp để có biện pháp xử lý số dư tạm ứng chưa thu hồi.

- Đối với các công việc của dự án thực hiện theo hợp đồng: vốn tạm ứng chưa thu hồi nếu quá thời hạn 6 tháng kể từ thời điểm phải thực hiện khối lượng theo tiến độ ghi trong hợp đồng mà nhà thầu chưa thực hiện hoặc sử dụng sai mục đích, chủ đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước để thu hồi hoàn trả vốn đã tạm ứng cho ngân sách nhà nước. Trường hợp chủ đầu tư chưa thu hồi và không có báo cáo đánh giá tình hình thực hiện và thu hồi tạm ứng vốn, Kho bạc Nhà nước có văn bản đề nghị chủ đầu tư thu hồi của nhà thầu hoặc đề nghị chủ đầu tư yêu cầu tổ chức tín dụng phát hành bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh khi nhà thầu vi phạm cam kết với chủ đầu tư về việc sử dụng vốn tạm ứng.

- Đối với công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: vốn tạm ứng chưa thu hồi nếu quá thời hạn 3 tháng kể từ thời điểm tạm ứng vốn chưa thực hiện chi trả cho người thụ hưởng, chủ đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước yêu cầu tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường hỗ trợ và tái định cư chuyển toàn bộ số tiền đã tạm ứng về tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư tại Kho bạc Nhà nước để thuận tiện cho việc kiểm soát thanh toán và thu hồi tạm ứng. Trường hợp sau thời hạn 1 năm kể từ ngày chuyển tiền về tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư mà chưa thực hiện chi trả cho người thụ hưởng, chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn trả vốn đã tạm ứng cho ngân sách nhà nước. Trường hợp chủ đầu tư không làm thủ tục nộp ngân sách nhà nước, thì Kho bạc Nhà nước được phép trích từ tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư để nộp lại ngân sách nhà nước, giảm số vốn đã tạm ứng cho dự án và thông báo cho chủ đầu tư.

Điều 9. Thanh toán khối lượng hoàn thành

1. Đối với các công việc được thực hiện thông qua hợp đồng xây dựng:

a) Nguyên tắc thanh toán:

Việc thanh toán hợp đồng phải phù hợp với loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng. Số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, thời hạn thanh toán, hồ sơ thanh toán và điều kiện thanh toán phải được quy định rõ trong hợp đồng. Chủ đầu tư có trách nhiệm tuân thủ các điều kiện áp dụng các loại giá hợp đồng theo quy định hiện hành của nhà nước.

- Đối với hợp đồng trọn gói:

Thanh toán theo tỷ lệ phần trăm giá hợp đồng hoặc giá công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc tương ứng với các giai đoạn thanh toán mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng, khi thanh toán không yêu cầu có xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết.

- Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định:

Thanh toán trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành (kể cả khối lượng tăng hoặc giảm được phê duyệt theo thẩm quyền, nếu có) được nghiệm thu của từng lần thanh toán và đơn giá trong hợp đồng.

- Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:

Thanh toán trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành (kể cả khối lượng tăng hoặc giảm, nếu có) được nghiệm thu của từng lần thanh toán và đơn giá trong hợp đồng hoặc đơn giá đã điều chỉnh theo đúng các thỏa thuận trong hợp đồng.

- Đối với hợp đồng theo thời gian:

- Chi phí cho chuyên gia được xác định trên cơ sở mức lương cho chuyên gia và các chi phí liên quan do các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhân với thời gian làm việc thực tế được nghiệm thu (theo tháng, tuần, ngày, giờ).

- Các khoản chi phí ngoài mức thù lao cho chuyên gia thì thanh toán theo phương thức quy định trong hợp đồng.

- Đối với hợp đồng theo giá kết hợp:

Việc thanh toán được thực hiện tương ứng với các loại hợp đồng theo quy định tại các điểm trên đây.

- Đối với khối lượng công việc phát sinh (ngoài hợp đồng) chưa có đơn giá trong hợp đồng, thực hiện theo thỏa thuận bổ sung hợp đồng mà các bên đã thống nhất trước khi thực hiện và phải phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

- Việc điều chỉnh hợp đồng thực hiện theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ về hợp đồng và các Thông tư hướng dẫn hiện hành.

b) Hồ sơ thanh toán:

Khi có khối lượng hoàn thành được nghiệm thu theo giai đoạn thanh toán và điều kiện thanh toán trong hợp đồng, chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi Kho bạc Nhà nước, bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng kèm theo Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện bên nhận thầu (phụ lục số 03.a kèm theo).

Khi có khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng, chủ đầu tư gửi Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng kèm theo Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng đề nghị thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện bên nhận thầu (phụ lục số 04 kèm theo).

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư - phụ lục số 05 kèm theo.

- Chứng từ chuyển tiền ban hành theo quy định hệ thống chứng từ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng xây dựng:

a) Đối với các công việc của dự án được thực hiện không thông qua hợp đồng xây dựng (như một số công việc quản lý dự án do chủ đầu tư trực tiếp thực hiện, công việc tư vấn được phép tự làm,...), việc thanh toán trên căn cứ:

Bảng kê giá trị khối lượng công việc hoàn thành (có chữ ký và đóng dấu của chủ đầu tư), chủ đầu tư không phải gửi chứng từ chi, hóa đơn mua sắm đến Kho bạc Nhà nước, chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán theo dự toán được duyệt phù hợp với tính chất từng loại công việc.

b) Hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Bảng kê giá trị khối lượng công việc hoàn thành;

- Dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho từng công việc;

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;

- Chứng từ chuyển tiền.

c) Hồ sơ đối với các trường hợp khác

- Đối với chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, hồ sơ thanh toán bao gồm: Bảng xác nhận giá trị khối lượng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện (phụ lục số 03.b kèm theo); Hợp đồng và biên bản bàn giao nhà (trường hợp mua nhà phục vụ di dân giải phóng mặt bằng); Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; Chứng từ chuyển tiền.

Riêng chi phí cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Kho bạc Nhà nước căn cứ vào dự toán chi phí cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành; Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; Chứng từ chuyển tiền.

- Đối với công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phải xây dựng các công trình (bao gồm cả xây dựng nhà di dân giải phóng mặt bằng): việc tạm ứng, thanh toán được thực hiện như đối với các dự án hoặc gói thầu xây dựng công trình.

- Khi dự án hoàn thành được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán nhưng chưa được thanh toán đủ vốn theo giá trị phê duyệt quyết toán, Kho bạc Nhà nước căn cứ vào quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và kế hoạch vốn được giao trong năm của dự án để kiểm soát thanh toán cho dự án. Hồ sơ, tài liệu thanh toán gồm: Quyết định phê duyệt quyết toán kèm báo cáo quyết toán dự án hoàn thành; Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; Chứng từ chuyển tiền.

3. Nguyên tắc kiểm soát thanh toán của Kho bạc Nhà nước:

a) Kho bạc Nhà nước căn cứ hồ sơ đề nghị thanh toán của chủ đầu tư, các điều khoản thanh toán được quy định trong hợp đồng, văn bản giao việc hoặc hợp đồng nội bộ (đối với trường hợp tự thực hiện dự án), số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán và các điều kiện thanh toán và giá trị từng lần thanh toán để thanh toán cho chủ đầu tư. Trong quá trình thanh toán, trường hợp phát hiện sai sót trong hồ sơ đề nghị thanh toán, cơ quan thanh toán vốn đầu tư thông báo bằng văn bản để chủ đầu tư bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ.

b) Số vốn thanh toán cho từng công việc, hạng mục công trình, công trình không được vượt dự toán được duyệt đối với trường hợp chỉ định thầu, tự thực hiện; tổng số vốn thanh toán cho dự án không được vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt. Số vốn thanh toán cho dự án trong năm (bao gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) không được vượt kế hoạch vốn cả năm đã bố trí cho dự án. Lũy kế số vốn thanh toán cho dự án không vượt kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được giao.

4. Đối với một số dự án đặc biệt quan trọng cần phải có cơ chế tạm ứng, thanh toán vốn khác với các quy định trên đây, sau khi có ý kiến của cấp có thẩm quyền, Bộ Tài chính sẽ có văn bản hướng dẫn riêng.

Điều 10. Quản lý, thanh toán, thu hồi và quyết toán nguồn vốn ứng trước dự toán ngân sách năm sau

1. Việc ứng trước dự toán ngân sách năm sau được thực hiện theo quy định của khoản 3, Điều 57 Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002 và Điều 61 Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước và Điều 45 của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

2. Các dự án thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm, được cấp có thẩm quyền cho phép ứng trước kế hoạch vốn năm sau để thực hiện. Mức vốn ứng trước của từng dự án không vượt quá tổng mức vốn kế hoạch trung hạn 5 năm đã bố trí cho dự án.

3. Sau khi dự án được cấp có thẩm quyền cho phép ứng trước, các Bộ, ngành và địa phương phân bổ đúng danh mục đã được giao. Bộ Tài chính thông báo cho Bộ, ngành và địa phương về danh mục, tổng mức ứng, nguồn vốn ứng, niên độ ứng và thu hồi, đồng gửi Kho bạc Nhà nước để thanh toán cho dự án. Trường hợp các Bộ, ngành và địa

phương phân bổ sai danh mục và mức vốn ứng theo thông báo của Bộ Tài chính thì Kho bạc Nhà nước dừng thanh toán đồng thời báo cáo Bộ Tài chính xem xét, xử lý.

4. Thời hạn thanh toán: thực hiện như thời hạn thanh toán vốn đầu tư trong kế hoạch năm. Trường hợp đặc biệt khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định. Hết thời hạn thanh toán, Kho bạc Nhà nước làm thủ tục hủy bỏ mức vốn ứng trước chưa sử dụng.

5. Thu hồi vốn: các Bộ, ngành và địa phương có trách nhiệm bố trí kế hoạch vốn cho dự án trong dự toán ngân sách năm sau để hoàn trả vốn ứng trước. Khi thẩm tra phân bổ vốn đầu tư trong kế hoạch hàng năm: Đối với vốn ngân sách trung ương do các Bộ, ngành quản lý, Bộ Tài chính đồng thời thông báo thu hồi vốn ứng trước theo số vốn ứng trước thực tế đã giải ngân, số vốn thu hồi tối đa bằng số vốn đã được ứng trước. Trường hợp các Bộ không bố trí hoặc bố trí không đủ số vốn phải thu hồi theo quyết định giao kế hoạch hàng năm của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính có văn bản thông báo cho Bộ đó biết để bố trí thu hồi số vốn đã ứng trước theo quy định; Đối với vốn ngân sách địa phương và vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới, trường hợp Ủy ban nhân dân các cấp không bố trí hoặc bố trí không đủ số vốn thu hồi theo quy định, Sở Tài chính, Phòng Tài chính Kế hoạch báo cáo Ủy ban nhân dân các cấp bố trí thu hồi số vốn đã ứng trước theo quy định.

6. Quyết toán vốn: Thời hạn quyết toán vốn ứng trước theo thời hạn được bố trí kế hoạch vốn để thu hồi. Trường hợp dự án được thu hồi vốn ứng trước theo thời kỳ một số năm thì số vốn ứng trước được bố trí để thu hồi của kế hoạch năm nào được quyết toán vào niên độ ngân sách năm đó, số vốn đã thanh toán nhưng chưa được bố trí kế hoạch vốn để thu hồi được chuyển sang các năm sau quyết toán phù hợp với kế hoạch thu hồi vốn.

Điều 11. Quy định về thời gian tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư trong kế hoạch năm và thời hạn kiểm soát thanh toán vốn của Kho bạc Nhà nước

1. Về thời hạn tạm ứng vốn:

Kế hoạch vốn năm của dự án chỉ được tạm ứng trong năm kế hoạch chậm nhất là đến ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch (trừ trường hợp tạm ứng để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì được thực hiện đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau).

2. Thời hạn thanh toán khối lượng hoàn thành:

Kế hoạch vốn năm của dự án chỉ thanh toán cho khối lượng hoàn thành được nghiệm thu đến ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch; thời hạn thanh toán khối lượng hoàn thành đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau (trong đó có thanh toán để thu hồi vốn đã tạm ứng).

3. Trường hợp các dự án cần thiết phải kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán sang năm sau, phải được cấp có thẩm quyền cho phép:

a) Đối với nguồn vốn ngân sách trung ương của Bộ, ngành trung ương; vốn bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương cho địa phương, việc kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán sang năm sau được thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 46 Nghị

định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

b) Đối với vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương, việc kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán sang năm sau được thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 46 Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

4. Thời hạn kiểm soát thanh toán vốn của Kho bạc Nhà nước: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ thanh toán theo quy định của chủ đầu tư, căn cứ vào hợp đồng (hoặc dự toán được duyệt đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng) và số tiền chủ đầu tư đề nghị thanh toán, Kho bạc Nhà nước kiểm soát, thanh toán cho dự án và thu hồi vốn tạm ứng theo quy định.

Mục 3. ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ

Điều 12. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư

1. Căn cứ điều chỉnh kế hoạch:

Việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư nguồn vốn Ngân sách nhà nước thực hiện quy định tại Luật Đầu tư công và Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

2. Nguyên tắc điều chỉnh:

Để đảm bảo cho các dự án thực hiện mục tiêu theo kế hoạch, hạn chế việc kéo dài thời gian thực hiện sang năm sau; Căn cứ tình hình thực hiện thực tế, các Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp rà soát tiến độ thực hiện và mục tiêu đầu tư của các dự án trong năm để trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư; điều chuyển vốn từ các dự án không có khả năng thực hiện sang các dự án có khả năng thực hiện trong năm kế hoạch, đảm bảo không được vượt quá tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn của từng dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

Trước khi gửi kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư từng dự án các Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo chủ đầu tư xác định số liệu thanh toán đến thời điểm điều chỉnh và làm việc với Kho bạc Nhà nước để xác nhận số vốn thuộc kế hoạch năm đã thanh toán cho dự án, xác định số vốn còn dư do không thực hiện được, đảm bảo cho kế hoạch của dự án sau khi điều chỉnh không thấp hơn số vốn Kho bạc Nhà nước đã thanh toán. Các Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm về số liệu giải ngân và số kế hoạch vốn điều chỉnh.

3. Thực hiện điều chỉnh: Sau khi thực hiện các nguyên tắc nêu trên, các Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp gửi kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư có chi tiết từng dự án cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính (đối với các dự án thuộc nguồn vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương), gửi cơ quan kế hoạch và đầu tư, cơ quan tài chính (đối với các dự án thuộc ngân sách địa phương). Cấp có thẩm quyền cho phép điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư đối với từng loại nguồn vốn thực hiện theo quy định Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm và các văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4. Sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư: Các Bộ và Ủy ban nhân dân các cấp gửi công văn phân bổ điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư cho cơ quan tài chính và kế hoạch đồng cấp. Việc thẩm tra điều chỉnh phân bổ vốn đầu tư thực hiện như Điều 4 của Thông tư.

(Mẫu biểu điều chỉnh phân bổ kế hoạch vốn đầu tư theo phụ lục số 02 kèm theo)

Mục 4. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, KIỂM TRA, QUYẾT TOÁN

Điều 13. Báo cáo

1. Đối với các chủ đầu tư, các Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 99/2013/TT-BTC ngày 26/7/2013 của Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ.

2. Đối với Kho bạc Nhà nước:

- Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính.

- Kết thúc năm kế hoạch, Kho bạc Nhà nước tổng hợp số liệu thanh toán vốn đầu tư báo cáo cơ quan tài chính đồng cấp theo quy định về quyết toán ngân sách nhà nước. Đồng thời xác nhận số thanh toán trong năm, luỹ kế số thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách nhà nước cho từng dự án do chủ đầu tư lập.

Điều 14. Kiểm tra

1. Chủ đầu tư tự thực hiện kiểm tra việc thực hiện dự án theo các nội dung được giao quản lý.

2. Các Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, cơ quan tài chính, định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra các chủ đầu tư, nhà thầu tham gia dự án về tình hình sử dụng vốn tạm ứng, vốn thanh toán khối lượng hoàn thành và việc chấp hành chính sách, chế độ tài chính đầu tư của Nhà nước.

3. Cơ quan tài chính các cấp định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra Kho bạc Nhà nước về việc thực hiện chế độ thanh toán vốn đầu tư.

4. Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm tra theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Điều 15. Quyết toán vốn đầu tư

Việc quyết toán vốn đầu tư hàng năm và quyết toán vốn đầu tư khi dự án hoàn thành thực hiện theo quy định tại các Thông tư của Bộ Tài chính về chế độ quyết toán vốn đầu tư.

Mục 5. TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN

Điều 16. Đối với chủ đầu tư

1. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định. Chấp hành đúng quy định của pháp luật về chế độ quản lý tài chính đầu tư.

2. Thực hiện việc nghiệm thu khối lượng, lập hồ sơ thanh toán và đề nghị thanh toán cho nhà thầu theo thời gian quy định của hợp đồng.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và người có thẩm quyền về việc tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn; Chịu trách nhiệm về tính chính xác của khối lượng thực hiện, đơn giá và giá trị đề nghị thanh toán; đảm bảo tính hợp pháp của các số liệu, tài liệu trong hồ sơ cung cấp cho Kho bạc Nhà nước và các cơ quan chức năng của Nhà nước.

4. Báo cáo kịp thời, đầy đủ theo quy định cho cơ quan quyết định đầu tư và các cơ quan nhà nước có liên quan; cung cấp đủ hồ sơ, tài liệu, tình hình theo quy định cho Kho bạc Nhà nước và cơ quan tài chính để phục vụ cho công tác quản lý và thanh toán vốn; chịu sự kiểm tra của cơ quan tài chính và cơ quan quyết định đầu tư về tình hình sử dụng vốn đầu tư và chấp hành chính sách, chế độ tài chính đầu tư của Nhà nước.

5. Thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện vốn tạm ứng và thu hồi tạm ứng của các nhà thầu, phải kiểm tra trước, trong và sau khi thực hiện ứng vốn cho các nhà thầu. Hằng quý các chủ đầu tư chủ trì phối hợp với Kho bạc Nhà nước có báo cáo đánh giá tình hình thực hiện tạm ứng vốn, thu hồi tạm ứng vốn.

6. Thực hiện kế toán đơn vị chủ đầu tư; quyết toán vốn đầu tư theo quy định hiện hành. Hết năm kế hoạch, lập bảng đối chiếu số liệu thanh toán vốn đầu tư năm gửi Kho bạc Nhà nước nơi chủ đầu tư giao dịch trước ngày 10 tháng 02 năm sau để xác nhận (theo mẫu biểu tại phụ lục số 06 kèm theo).

7. Được yêu cầu thanh toán vốn khi đã có đủ điều kiện và yêu cầu Kho bạc Nhà nước trả lời và giải thích những nội dung chưa thoả đáng trong việc thanh toán vốn.

Điều 17. Đối với các Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, huyện

1. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư thuộc phạm vi quản lý thực hiện kế hoạch đầu tư, tiếp nhận và sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích, đúng chế độ Nhà nước.

2. Trong phạm vi thẩm quyền được giao, chịu trách nhiệm trước Chính phủ và pháp luật nhà nước về những quyết định của mình.

Điều 18. Đối với cơ quan tài chính các cấp

1. Thực hiện quy định về báo cáo, quyết toán vốn đầu tư theo quy định hiện hành.

2. Phối hợp với các cơ quan chức năng hướng dẫn và kiểm tra các chủ đầu tư, Kho bạc Nhà nước, các nhà thầu thực hiện dự án về việc chấp hành chế độ, chính sách tài chính đầu tư, tình hình quản lý, sử dụng vốn đầu tư, tình hình thanh toán vốn đầu tư để có giải pháp xử lý các trường hợp vi phạm, ra quyết định thu hồi các khoản, nội dung chi sai chế độ Nhà nước.

3. Được quyền yêu cầu Kho bạc Nhà nước, chủ đầu tư cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về tài chính đầu tư, bao gồm các tài liệu phục vụ cho thẩm định dự án đầu tư và bố trí kế hoạch vốn đầu tư hàng năm, các tài liệu báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch và thực hiện vốn đầu tư theo quy định về chế độ thông tin báo cáo, các tài liệu phục vụ thẩm tra quyết toán vốn đầu tư theo quy định.

Điều 19. Đối với Kho bạc Nhà nước

1. Hướng dẫn chủ đầu tư mở tài khoản để được thanh toán vốn đầu tư.

2. Kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ cho dự án khi đã có đủ điều kiện và đúng thời gian quy định.

3. Ban hành quy trình thanh toán vốn đầu tư để thực hiện thống nhất trong hệ thống Kho bạc Nhà nước. Tổ chức công tác kiểm soát, thanh toán vốn theo quy trình nghiệp vụ, thanh toán kịp thời, đầy đủ, thuận tiện cho chủ đầu tư nhưng đảm bảo đơn giản thủ tục hành chính và quản lý chặt chẽ vốn đầu tư của Nhà nước.

4. Có ý kiến bằng văn bản cho chủ đầu tư đối với những khoản giảm thanh toán hoặc từ chối thanh toán, trả lời các vướng mắc của chủ đầu tư trong việc thanh toán vốn.

5. Kho bạc Nhà nước kiểm soát thanh toán trên cơ sở các tài liệu do chủ đầu tư cung cấp và theo nguyên tắc thanh toán đã quy định, không chịu trách nhiệm về việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu; không chịu trách nhiệm về tính chính xác đơn giá, khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán. Trường hợp phát hiện quyết định của các cấp có thẩm quyền trái với quy định hiện hành, phải có văn bản đề nghị xem xét lại và nêu rõ ý kiến đề xuất. Nếu quá thời gian quy định mà không được trả lời hoặc được trả lời mà thấy chưa phù hợp với quy định phải báo cáo lên cơ quan có thẩm quyền cao hơn và báo cáo cơ quan tài chính để xem xét, xử lý.

6. Thường xuyên đôn đốc các chủ đầu tư thực hiện đúng quy định về tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng, phối hợp với chủ đầu tư thực hiện kiểm tra vốn đã tạm ứng để thu hồi ngay những khoản tồn đọng chưa sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích.

7. Đôn đốc chủ đầu tư thanh toán dứt điểm công nợ khi dự án đã quyết toán và tất toán tài khoản. Đồng thời hàng năm báo cáo về cơ quan tài chính tình hình tất toán tài khoản của các dự án để có biện pháp đôn đốc thực hiện.

8. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo và quyết toán sử dụng vốn đầu tư theo quy định.

9. Được quyền yêu cầu chủ đầu tư cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin có liên quan để phục vụ cho công tác kiểm soát thanh toán vốn.

10. Kho bạc Nhà nước thực hiện công tác kiểm tra theo quy định hiện hành. Được phép tạm ngừng thanh toán vốn hoặc phối hợp với chủ đầu tư thu hồi số vốn sử dụng sai mục đích, sai đối tượng hoặc trái với chế độ quản lý tài chính của Nhà nước, đồng thời báo cáo Bộ Tài chính để xử lý.

11. Không tham gia vào các Hội đồng nghiệm thu ở các công trình, dự án.

12. Hết năm kế hoạch, xác nhận số thanh toán trong năm, luỹ kế số thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách nhà nước cho từng dự án hoặc xác nhận số vốn đã thanh toán theo yêu cầu quản lý; đối với vốn ngoài nước, Kho bạc Nhà nước xác nhận theo số liệu đề nghị tạm ứng, thanh toán của chủ dự án đã được Kho bạc Nhà nước chấp nhận (phụ lục số 06 kèm theo).

13. Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tài chính và pháp luật của Nhà nước về việc kiểm soát thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Xử lý chuyển tiếp

1. Các nội dung liên quan đến việc tạm ứng, thanh toán hợp đồng thực hiện theo đúng quy định xử lý chuyển tiếp tại Điều 53 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Quy định về hồ sơ tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trước ngày có hiệu lực của Thông tư này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước và các văn bản quy định của pháp luật trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực.

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 3 năm 2016. Thông tư này thay thế các nội dung quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước tại Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì sẽ áp dụng theo các văn bản mới đó.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời để Bộ Tài chính nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:
- Ban bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng bí thư; Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG
Đã ký
Huỳnh Quang Hải

- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân tối cao; Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể; các Tổng Công ty, Tập Đoàn kinh tế nhà nước;
- HĐND, UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Tài chính; KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ ĐT, (400).

Hệ thống biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư 08/2016/TT-BTC